

KẾ HOẠCH

Di dời nhân dân ứng phó với bão, mưa lớn, ngập lụt và các tình huống thiên tai trên địa bàn xã Nghi Dương năm 2026

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 06/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã Nghi Dương về xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai năm 2026 trên địa bàn xã Nghi Dương;

Căn cứ tình hình thực tế và số liệu rà soát các hộ dân, phương tiện có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi bão, mưa lớn, ngập lụt trên địa bàn xã;

Ủy ban nhân dân xã Nghi Dương ban hành Kế hoạch di dời nhân dân ứng phó với bão, mưa lớn, ngập lụt và các tình huống thiên tai trên địa bàn xã năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chủ động tổ chức di dời nhân dân ra khỏi khu vực có nguy cơ mất an toàn do bão, mưa lớn, ngập lụt, nước dâng và các hình thái thiên tai khác; lấy bảo đảm an toàn tính mạng Nhân dân làm mục tiêu cao nhất.

2. Tổ chức di dời đúng đối tượng, đúng khu vực nguy hiểm, bảo đảm khẩn trương, an toàn, có kiểm đếm; thực hiện phương châm “bốn tại chỗ”.

3. Ưu tiên người cao tuổi, người già yếu, trẻ em, phụ nữ mang thai, người khuyết tật, người bệnh và các hộ đang ở chòi canh, lán trại tạm, khu vực ven sông, ven đê, thấp trũng dễ ngập.

4. Việc di dời phải gắn với bảo đảm an ninh, trật tự, giao thông, hậu cần, thông tin liên lạc và điều kiện sinh hoạt tối thiểu tại nơi tiếp nhận.

II. TÌNH HUỐNG GIẢ ĐỊNH

Khi bão có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến địa bàn xã Nghi Dương, hoàn lưu bão gây mưa lớn, nguy cơ nước dâng, ngập úng và mất an toàn đối với nhà ở không

kiên cố, các khu vực ven sông, ven đê, chòi canh, lán trại và khu vực thấp trũng, Ủy ban nhân dân xã kích hoạt phương án di dời theo mức độ nguy hiểm thực tế.

Trên cơ sở số liệu rà soát hiện có, tổ chức di dời theo thứ tự ưu tiên: (1) các hộ tại chòi canh, lán trại ven sông, ven đê, khu vực thấp trũng; (2) các hộ ở nhà không kiên cố, xuống cấp có nguy cơ mất an toàn; (3) các trường hợp phát sinh khác theo chỉ đạo của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã.

III. QUY MÔ, ĐỐI TƯỢNG DI DỜI

STT	Nhóm đối tượng	Số hộ	Nhân khẩu	Địa điểm di chuyển	Phương tiện
1	Nhà ở không kiên cố, xuống cấp - Ngũ Phúc (cũ)	54	114	Trường Tiểu học, nhà văn hóa, trụ sở xã Ngũ Phúc (cũ) và các nhà cao tầng kiên cố trong các thôn	Ô tô kết hợp xe máy
2	Nhà ở không kiên cố, xuống cấp - Du Lễ (cũ)	20	38	Trụ sở Công an xã Nghi Dương	Ô tô kết hợp xe máy
3	Nhà ở không kiên cố, xuống cấp - Kiến Quốc (cũ)	45	91	Tại chỗ và các nhà văn hóa thôn	Ô tô kết hợp xe máy
4	Chòi canh, lán trại - Ngũ Phúc (cũ)	21	34	Nhà trong làng của hộ dân, nhà văn hóa, trụ sở xã Ngũ Phúc (cũ)	Ô tô kết hợp xe máy
5	Chòi canh, lán trại - Kiến Quốc (cũ)	32	44	Trường Mầm non, nhà văn hóa thôn 7 và các nhà cao tầng kiên cố trong các thôn	Ô tô kết hợp xe máy
	Tổng số	172	321		

Lưu ý: Số liệu 172 hộ/321 nhân khẩu là tổng hợp của 119 hộ/243 nhân khẩu nhà ở không kiên cố, xuống cấp và 53 hộ/78 nhân khẩu tại chòi canh, lán trại ven sông, ven đê. Danh sách họ tên chi tiết hiện có trong hồ sơ là 53 hộ tại chòi canh, lán trại; đối với nhóm 119 hộ, hồ sơ cung cấp hiện thể hiện số liệu tổng hợp theo khu vực, chưa có danh sách họ tên chi tiết nên không tự bổ sung ngoài nguồn số liệu.

IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC DI DỜI

1. Đối với 53 hộ/78 nhân khẩu đang ở chòi canh, lán trại ven sông, ven đê: tổ chức di chuyển về nhà ở kiên cố trong làng, nhà văn hóa, trường học hoặc địa điểm an toàn đã xác định; đây là nhóm ưu tiên di dời trước.

2. Đối với 119 hộ/243 nhân khẩu ở nhà không kiên cố, xuống cấp: tổ chức di chuyển theo từng khu vực đến các địa điểm an toàn nêu tại Mục III.

3. Đối với 25 tàu, thuyền/50 người: yêu cầu chủ phương tiện đưa tàu, thuyền về vị trí neo đậu an toàn; không để người ở lại trên tàu, thuyền hoặc tại khu vực nguy hiểm khi bão ảnh hưởng trực tiếp.

4. Các hộ dân khi di dời mang theo giấy tờ cần thiết, thuốc men, vật dụng thiết yếu; chủ động khóa, bảo vệ tài sản và chấp hành hướng dẫn của lực lượng làm nhiệm vụ.

V. TRÌNH TỰ VÀ THỜI GIAN TỔ CHỨC DI DỜI

1. Trước khi bão ảnh hưởng: theo dõi chặt chẽ dự báo; rà soát danh sách; thông báo đến từng hộ; kiểm tra địa điểm tiếp nhận; chuẩn bị phương tiện, lực lượng, hậu cần và thông tin liên lạc.

2. Khi có lệnh di dời: thông báo trên hệ thống truyền thanh và thông báo trực tiếp; trưởng thôn, lực lượng dân quân, công an, đoàn thể và lực lượng được phân công đến từng khu vực tổ chức di chuyển.

3. Ưu tiên di chuyển các hộ ở chòi canh, lán trại, khu vực ven sông, ven đê và các trường hợp có nguy cơ cao; sau đó di chuyển các hộ ở nhà không kiên cố.

4. Sau khi di dời: lập bảng kiểm đếm số hộ, số người; báo cáo ngay các trường hợp chưa di chuyển, mất liên lạc hoặc còn người tại khu vực nguy hiểm.

5. Chỉ tổ chức cho người dân trở về khi nguy cơ mất an toàn đã giảm, khu vực nhà ở được kiểm tra và UBND xã cho phép.

VI. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. UBND xã, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN xã: chỉ huy chung; quyết định kích hoạt, điều chỉnh và kết thúc phương án; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.

2. Ban Chỉ huy Quân sự xã: chủ trì huy động lực lượng dân quân tại chỗ, phối hợp tổ chức di dời và sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn.

3. Công an xã: bảo đảm an ninh, trật tự; phân luồng, hướng dẫn giao thông; bảo vệ tài sản tại khu vực di dời.

4. Các thôn dân cư: quản lý danh sách; thông báo từng hộ; tổ chức lực lượng hỗ trợ; kiểm đếm và báo cáo kết quả.

5. MTTQ Việt Nam xã và các đoàn thể: tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành; hỗ trợ người già, trẻ em, người yếu thế và các hộ khó khăn.

6. Bộ phận chuyên môn và các đơn vị liên quan: bảo đảm thông tin, hậu cần, địa điểm tiếp nhận, nước uống, vệ sinh môi trường và các điều kiện cần thiết khác theo khả năng thực tế.

VII. XỬ LÝ TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP

1. Khi xảy ra nước dâng nhanh, ngập sâu, cây đổ, giao thông chia cắt hoặc có người mắc kẹt, phải báo cáo ngay Ban Chỉ huy PCTT và TKCN xã.

2. Huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ để cứu người; ưu tiên người bị nạn, người già, trẻ em và người cần trợ giúp.

3. Không tổ chức cho người dân quay lại khu vực nguy hiểm khi chưa bảo đảm an toàn.

4. Trường hợp vượt quá khả năng xử lý, UBND xã báo cáo cấp có thẩm quyền để huy động lực lượng, phương tiện hỗ trợ.

VIII. KINH PHÍ, PHƯƠNG TIỆN VÀ HẬU CẦN

Sử dụng nguồn kinh phí phòng, chống thiên tai và các nguồn hợp pháp khác theo quy định; huy động phương tiện, lực lượng, vật tư tại chỗ theo phương châm “bốn tại chỗ”. Việc huy động, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các ban, ngành, đoàn thể, các thôn dân cư, các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN xã căn cứ nhiệm vụ được phân công nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có tình huống phát sinh hoặc số liệu thay đổi, các đơn vị báo cáo UBND xã để xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

Giao Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN xã theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo UBND xã và cấp có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- BCH PCTT và TKCN cấp trên (b/c);
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã (b/c);
- Thành viên BCH PCTT và TKCN xã;
- Các thôn dân cư;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Văn Tuấn

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH CÁC HỘ SỐNG TRONG CHÒI CANH, LÁN TRẠI TẠM
VEN ĐÊ, VEN SÔNG, KHU VỰC THÁP TRƯNG ĐỀ NGẬP
(Kèm theo Kế hoạch số 282 /KH-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2026 của UBND xã
Nghị Dương)

Yêu cầu các hộ dân có tên trong danh sách chủ động di chuyển về nhà ở kiên
cố trong làng hoặc địa điểm an toàn theo phương án của UBND xã khi có lệnh di dời.

STT	Thôn	Họ và tên	Nhà ở kiên cố	Số điện thoại	Ký tên
1	Xuân Đông	Đặng Trần Dũng	Có nhà ở kiên cố trong làng		
2	Xuân Đông	Nguyễn Hữu Tên	Có nhà ở kiên cố trong làng		
3	Xuân Đông	Chu Văn Truyền	Có nhà ở kiên cố trong làng		
4	Xuân Đông	Nguyễn Hữu Cường	Có nhà ở kiên cố trong làng		
5	Xuân Đông	Lương Văn Cương	Có nhà ở kiên cố trong làng		
6	Xuân Đông	Lương Văn Trường	Có nhà ở kiên cố trong làng		
7	Xuân Đông	Lương Văn Ken	Có nhà ở kiên cố trong làng		
8	Xuân Đông	Lương Thị Bé	Có nhà ở kiên cố trong làng		
9	Xuân Đông	Đỗ Danh Hưng	Có nhà ở kiên cố trong làng		
10	Xuân Đông	Nguyễn Văn Thuận (Lợi)	Có nhà ở kiên cố ở nơi khác		
11	Xuân Đông	Nguyễn Danh Mạnh	Có nhà ở kiên cố trong làng		
12	Mai Dương	Nguyễn Văn Thụy	Có nhà ở kiên cố trong làng		
13	Mai Dương	Nguyễn Hữu Hưng	Có nhà ở kiên cố trong làng		
14	Mai Dương	Nguyễn Danh Tri	Có nhà ở kiên cố trong làng		
15	Mai Dương	Bùi Đức Cận	Có nhà ở kiên cố trong làng		
16	Mai Dương	Ngô Văn Vĩ	Có nhà ở kiên cố ở Hải Phòng		
17	Mai Dương	Phạm Tuấn Anh	Có nhà ở kiên cố ở Hải Phòng		
18	Mai Dương	Nguyễn Đình Phái	Có nhà ở kiên cố trong làng		
19	Mai Dương	Bùi Đức Bảo	Có nhà ở kiên cố trong làng		
20	Mai Dương	Nguyễn Văn Hiếu	Có nhà ở kiên cố ở Tiên Cầm		
21	Mai Dương	Nguyễn Văn Tành	Có nhà ở kiên cố trong làng		
22	Thôn Tú Đôi 1	Đào Xuân Tý	Có nhà ở kiên cố trong làng		
23	Thôn Tú Đôi 3	Nguyễn Sĩ Bích	Có nhà ở kiên cố trong làng		
24	Thôn Tú Đôi 3	Đào Văn Bình	Có nhà ở kiên cố trong làng		

STT	Thôn	Họ và tên	Nhà ở kiên cố	Số điện thoại	Ký tên
25	Thôn Tú Đôi 3	Đào Thị Vít	Có nhà ở kiên cố trong làng		
26	Thôn Tú Đôi 3	Đào Văn Thóc	Có nhà ở kiên cố trong làng		
27	Thôn Tú Đôi 3	Nguyễn Sĩ Tình	Có nhà ở kiên cố trong làng		
28	Thôn Tú Đôi 3	Nguyễn Sỹ Hoan	Có nhà ở kiên cố trong làng		
29	Thôn Tú Đôi 3	Nguyễn Sĩ Xiển	Có nhà ở kiên cố trong làng		
30	Thôn Tú Đôi 4	Đào Văn Luận	Có nhà ở kiên cố trong làng		
31	Thôn Tú Đôi 4	Đào Xuân Tía	Có nhà ở kiên cố trong làng		
32	Thôn Tú Đôi 4	Đào Văn Vìn	Có nhà ở kiên cố trong làng		
33	Thôn Tú Đôi 4	Đào Văn Khiêm	Có nhà ở kiên cố trong làng		
34	Thôn Tú Đôi 4	Phạm Năng Xuân	Có nhà ở kiên cố trong làng		
35	Thôn Tú Đôi 4	Đào Văn Toàn	Có nhà ở kiên cố trong làng		
36	Thôn Tú Đôi 4	Đào Văn Long	Có nhà ở kiên cố trong làng		
37	Thôn Tú Đôi 4	Đào Văn Bàu	Có nhà ở kiên cố trong làng		
38	Thôn Tú Đôi 4	Nguyễn Sĩ Nam	Có nhà ở kiên cố trong làng		
39	Thôn Tú Đôi 4	Phạm Năng Gót	Có nhà ở kiên cố trong làng		
40	Thôn Tú Đôi 4	Đào Văn Trường	Có nhà ở kiên cố trong làng		
41	Thôn Tú Đôi 4	Nguyễn Sĩ Hưng	Có nhà ở kiên cố trong làng		
42	Thôn Tú Đôi 4	Nguyễn Văn Chiêu	Có nhà ở kiên cố trong làng		
43	Thôn Tú Đôi 4	Nguyễn Sĩ Tiến	Có nhà ở kiên cố trong làng		
44	Thôn Tú Đôi 5	Đào Văn Đức	Có nhà ở kiên cố trong làng		
45	Thôn Tú Đôi 5	Đào Văn Hoạt	Có nhà ở kiên cố trong làng		
46	Thôn Tú Đôi 5	Đỗ Thị Thủy	Có nhà ở kiên cố trong làng		
47	Thôn Tú Đôi 5	Nguyễn Sĩ Lanh	Có nhà ở kiên cố trong làng		
48	Thôn Tú Đôi 5	Đỗ Danh Tiến	Có nhà ở kiên cố trong làng		
49	Thôn Tú Đôi 5	Đỗ Danh Khánh	Có nhà ở kiên cố trong làng		
50	Thôn Tú Đôi 5	Đào Xuân Lập	Có nhà ở kiên cố trong làng		
51	Thôn Tú Đôi 5	Nguyễn Sĩ Hùng	Có nhà ở kiên cố trong làng		
52	Thôn Tú Đôi 5	Đào Văn Nguyệt	Có nhà ở kiên cố trong làng		
53	Thôn Tú Đôi 5	Đỗ Danh Đình	Có nhà ở kiên cố trong làng		

PHỤ LỤC II
TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN DI DỜI

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Nghi Dương)

STT	Khu vực/nhóm	Số hộ	Nhân khẩu	Địa điểm di chuyển	Phương tiện
1	Nhà ở không kiên cố, xuống cấp - Ngũ Phúc (cũ)	54	114	Trường Tiểu học, nhà văn hóa, trụ sở xã Ngũ Phúc (cũ) và các nhà cao tầng kiên cố trong các thôn	Ô tô kết hợp xe máy
2	Nhà ở không kiên cố, xuống cấp - Du Lễ (cũ)	20	38	Trụ sở Công an xã Nghi Dương	Ô tô kết hợp xe máy
3	Nhà ở không kiên cố, xuống cấp - Kiến Quốc (cũ)	45	91	Tại chỗ và các nhà văn hóa thôn	Ô tô kết hợp xe máy
4	Chòi canh, lán trại - Ngũ Phúc (cũ)	21	34	Nhà trong làng của hộ dân, nhà văn hóa, trụ sở xã Ngũ Phúc (cũ)	Ô tô kết hợp xe máy
5	Chòi canh, lán trại - Kiến Quốc (cũ)	32	44	Trường Mầm non, nhà văn hóa thôn 7 và các nhà cao tầng kiên cố trong các thôn	Ô tô kết hợp xe máy
	Tổng nhóm hộ phải di dời	172	321		

III. Tàu, thuyền khai thác thủy sản: 25 tàu/thuyền, 50 người; Ngũ Phúc (cũ) 06 tàu/12 người; Kiến Quốc (cũ) 19 tàu/38 người. Theo số liệu cung cấp, các phương tiện đã được neo đậu an toàn.

IV. Danh sách chi tiết 53 hộ chòi canh, lán trại được lập tại Phụ lục I. Danh sách chi tiết 119 hộ/243 nhân khẩu nhà không kiên cố chưa được cung cấp trong file Excel hiện có, vì vậy không bổ sung tên ngoài hồ sơ.